CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đại Thiên Lộc

Ngày 31/12/2025	13,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.5%	**-2.2%**	**31.3%**

DT thuần
Q4/25
445
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.0| 4.2%
YoY: ▼109| -19.7%

LN thuần
Q4/25
-19.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.50| 7.1%
YoY: ▲ 12.8| 39.2%

LN sau thuế
Q4/25
-22.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.70| 14.3%
YoY: ▼23.4| -2568%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
14.8%
YoY: +/-▲ 11.0%

ROE
2025
-16.8%
YoY: +/-▼ 17.3%

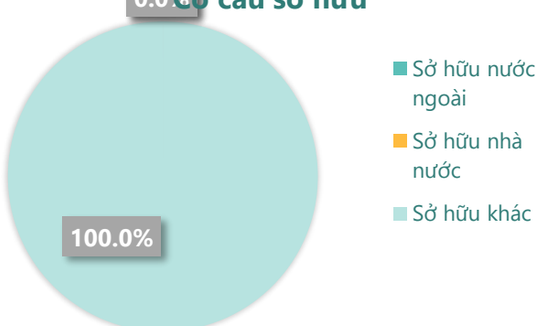
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,250 - 15,750
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	800
Số lượng CPLH (CP)	60,630,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,385
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.24
EPS	-1,933
P/E	-6.8

DT thuần
2025
1,858
tỷ VNĐ
YoY: ▼109| -5.5%

LN thuần
2025
-108
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.00| 3.4%

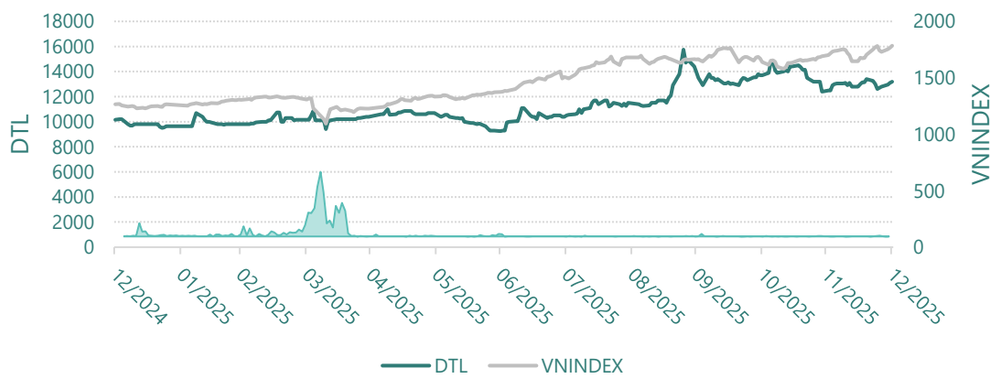
LN sau thuế
2025
-117
tỷ VNĐ
YoY: ▼121| -2856%

Cơ cấu sở hữu

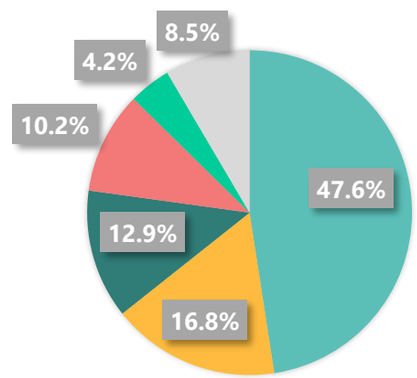


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

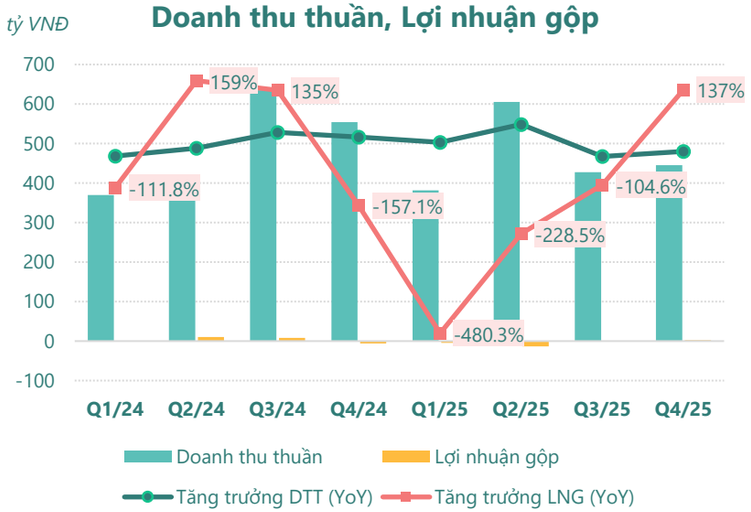


- Nguyễn Thanh Nghĩa (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức
- Nguyễn Thị Bích Liên (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thanh Loan
- Nguyễn Thanh Dung (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

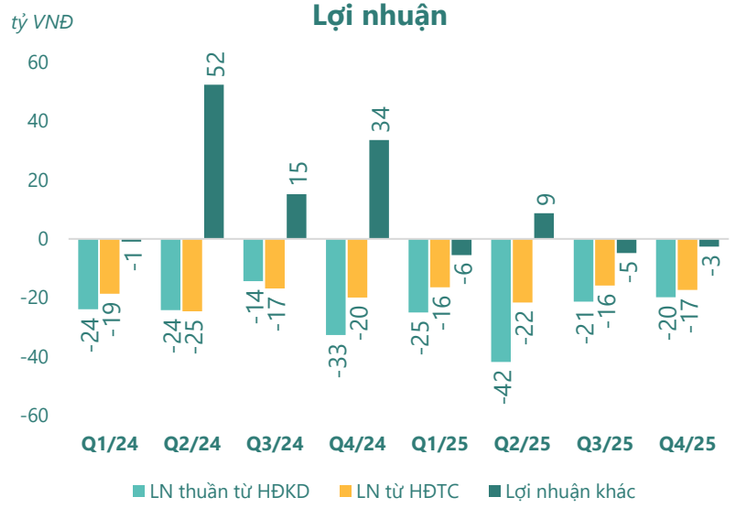
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



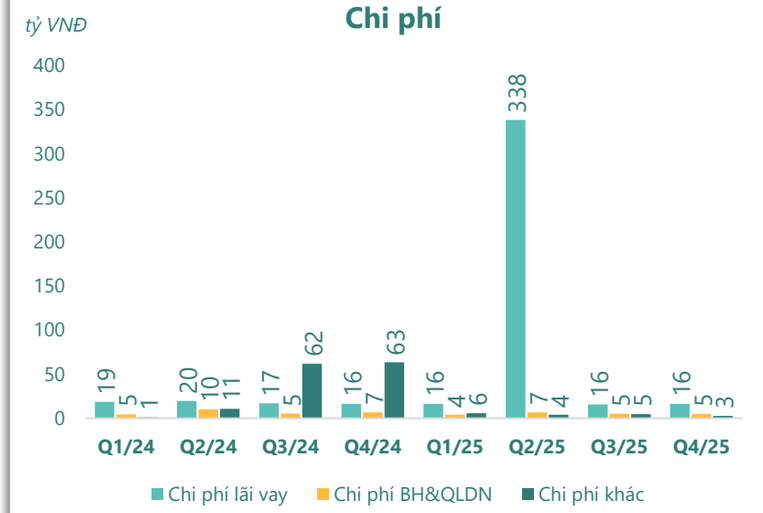
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



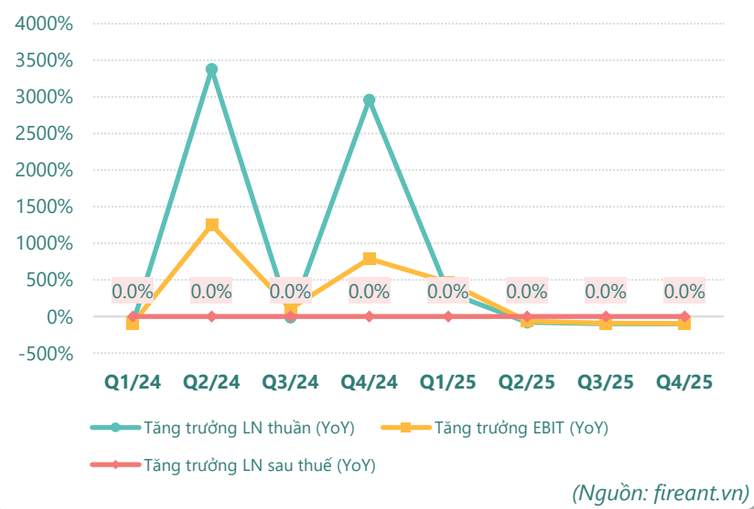
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



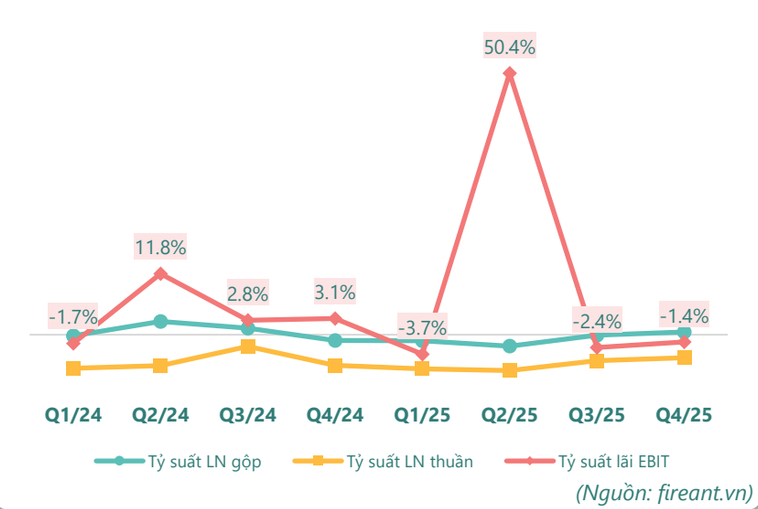
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



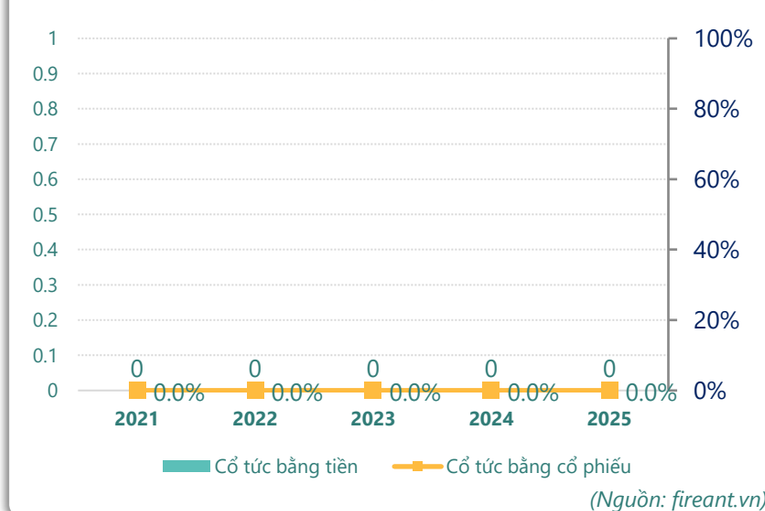
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

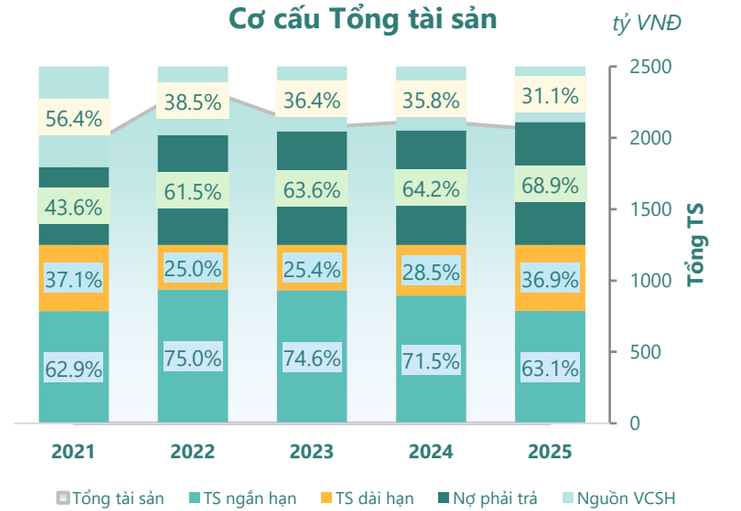
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

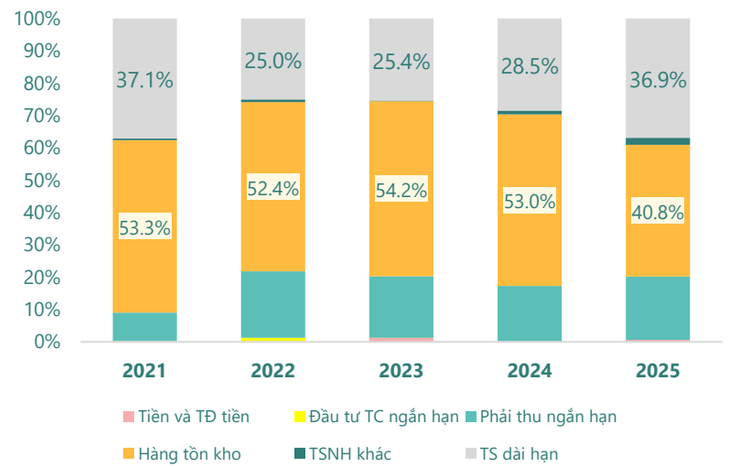
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



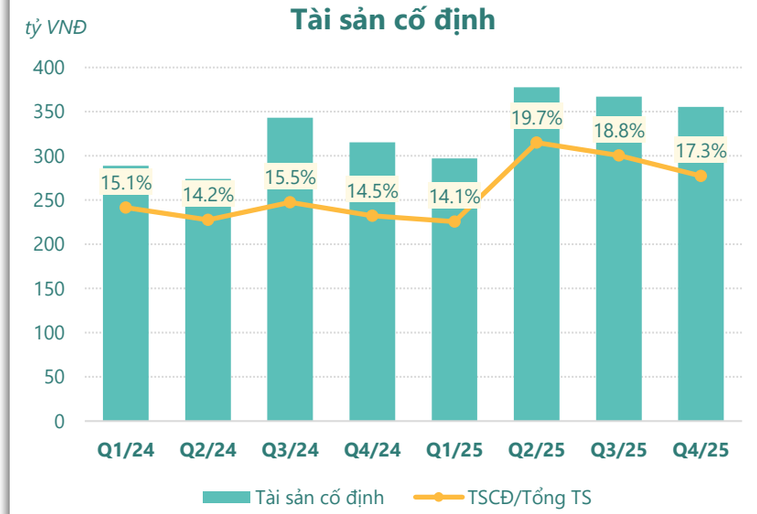
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



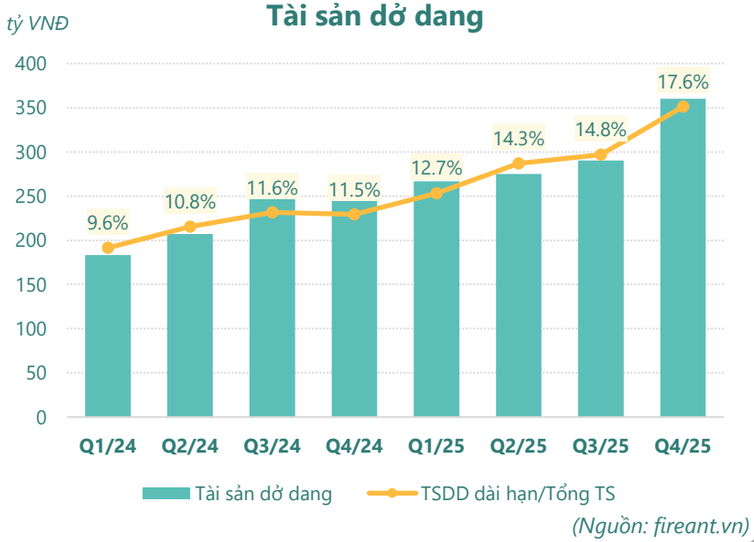
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



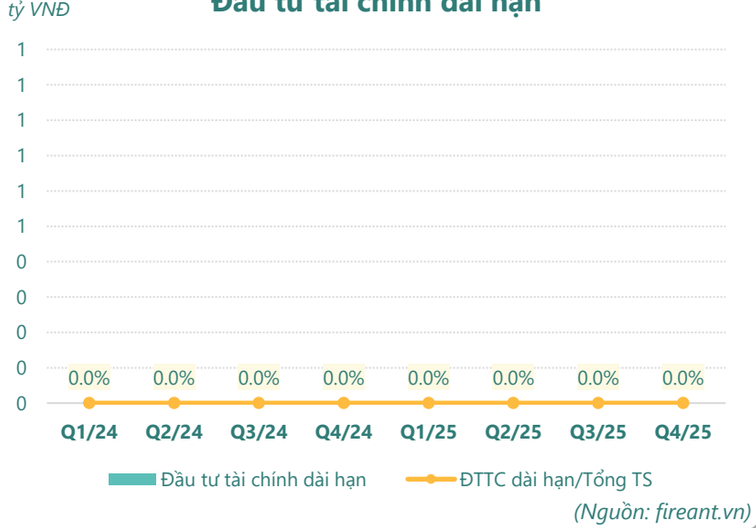
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



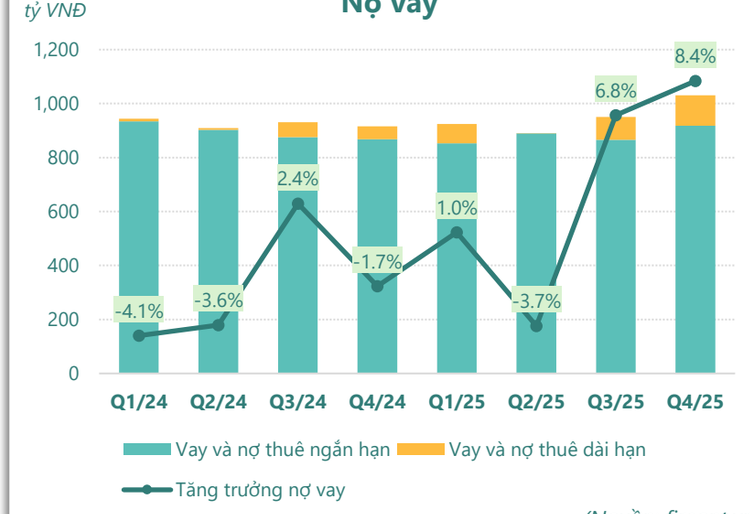
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

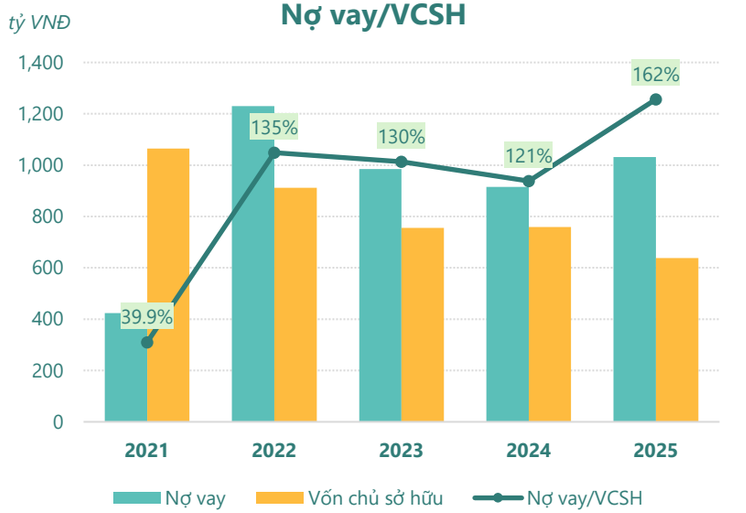
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



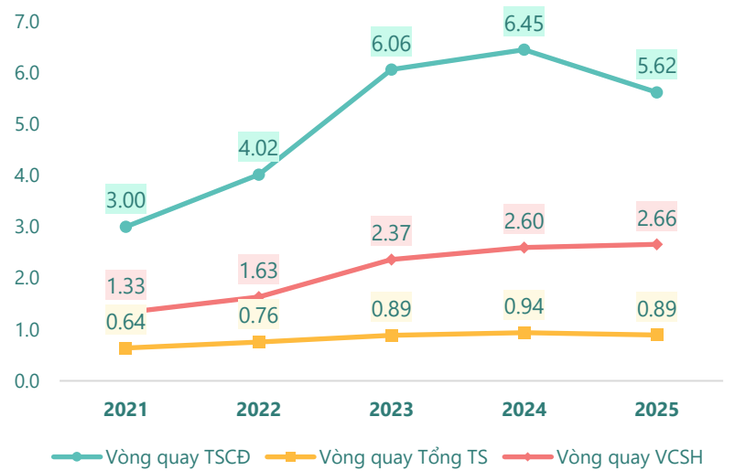
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



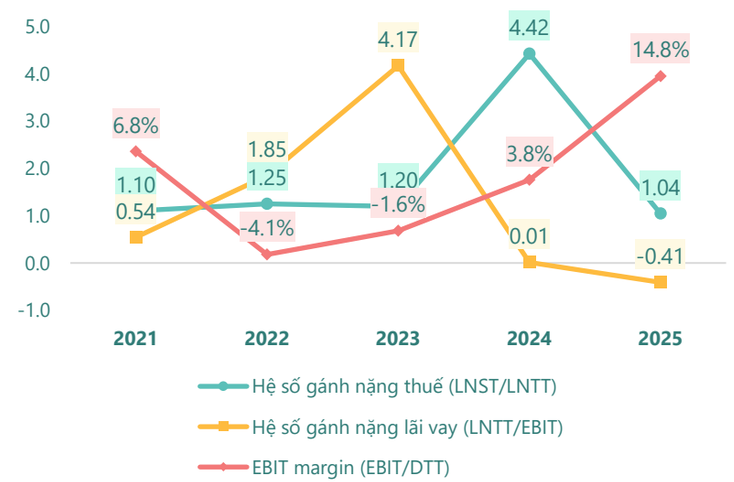
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



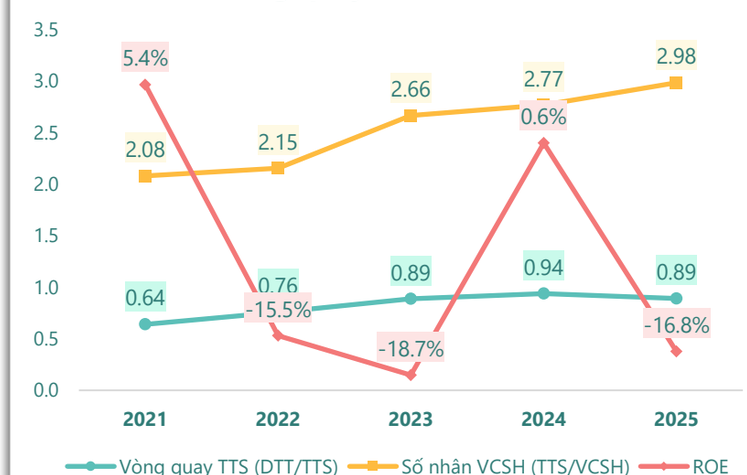
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



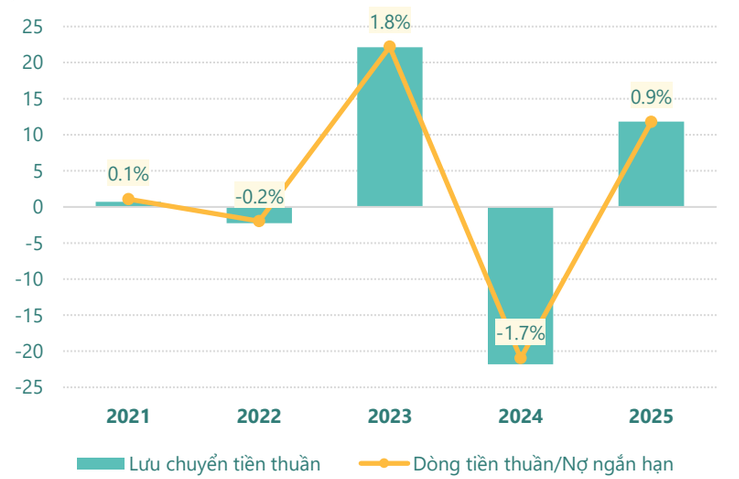
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**445**	**554**	**-19.7%**	**1,858**	**1,967**	**-5.5%**
Giá vốn hàng bán	443	561	-21.1%	1,874	1,972	-4.9%
Lợi nhuận gộp	2.27	-6.20	137%	-16.0	-5.24	-205%
Doanh thu HĐTC	0.07	0.24	-72.6%	0.07	0.49	-85.5%
Chi phí TC	17.4	20.2	-13.7%	71.4	79.0	-9.6%
Chi phí lãi vay	16.4	16.5	-0.9%	387	73.6	426%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.69	1.04	-33.8%	2.56	3.42	-25.1%
Chi phí QLDN	**4.10**	**5.55**	**-26.2%**	**18.3**	**24.8**	**-26.1%**
LN thuần từ HĐKD	-19.9	-32.7	39.2%	-108	-112	3.4%
Lợi nhuận khác	**-2.58**	**33.6**	**-108%**	**-4.24**	**113**	**-104%**
LN trước thuế	-22.5	0.91	-2568%	-112	0.96	-11788%
Lợi nhuận sau thuế	**-22.5**	**0.91**	**-2568%**	**-117**	**4.25**	**-2856%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-22.5**	**0.91**	**-2568%**	**-117**	**4.25**	**-2856%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	103	-82.8	1.69	49.7	-47.6	-15.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-126	103	-8.32	-20.4	11.2	-79.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	25.9	-14.4	10.3	-35.2	64.3	81.7
Tiền đầu kỳ	1.89	2.23	4.18	7.67	2.32	27.1
Lưu chuyển tiền thuần	**2.28**	**5.50**	**3.63**	**-5.84**	**27.9**	**-13.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.65	-3.47	-0.13	0.15	-2.82	-1.09
Tiền cuối kỳ	2.23	4.26	7.67	2.32	27.1	12.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,051**	**2,120**	**-3.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,295	1,516	-14.6%
Tiền và tương đương tiền	12.1	4.51	168%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.00	-100%
Phải thu ngắn hạn	402	363	10.8%
Hàng tồn kho	836	1,124	-25.7%
Tài sản ngắn hạn khác	44.5	24.4	82.6%
Tài sản dài hạn	**757**	**604**	**25.3%**
Phải thu dài hạn	0	2.15	-100%
Tài sản cố định	355	306	16.3%
Bất động sản đầu tư	5.73	9.58	-40.3%
Tài sản dở dang	360	249	44.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**35.3**	**37.4**	**-5.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,413	1,360	3.9%
Nợ ngắn hạn	**1,252**	**1,299**	**-3.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	918	911	0.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	278	280	-0.7%
Nợ dài hạn	161	61.6	162%
Vay và nợ thuê dài hạn	113	4.15	2628%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**638**	**759**	**-16.0%**
Vốn chủ sở hữu	**638**	**759**	**-16.0%**
Vốn điều lệ	614	614	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)